

Số: 22 /NQ-HĐND

Nam Triệu, ngày 24 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG NAM TRIỆU
NHIỆM KỲ 2021-2026, HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, luật quản lý sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, luật thuế thu nhập cá nhân và luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; Thu - chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026

Căn cứ Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Ngày 23/12/2025, Hội đồng nhân dân phường nhận được Tờ trình số 84 /TTr-UBND của Ủy ban nhân dân Phường Nam Triệu xin ý kiến về việc quyết định dự toán thu, chi ngân sách năm 2026; Căn cứ Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026 như sau:

1. Dự toán thu NSNN trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương

1.1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 752.329 triệu đồng.

a) Các khoản thu thường xuyên: 415.690 triệu đồng. Bao gồm:

- Thu từ khu vực DNNN Trung ương: 147.740 triệu đồng.
- Thu từ khu vực DNNN địa phương: 600 triệu đồng.
- Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài: 136.000 triệu đồng.

- Thu từ khu vực ngoài quốc doanh: 49.000 triệu đồng.
- Thuế thu nhập cá nhân: 72.570 triệu đồng.
- Lệ phí trước bạ: 15.000 triệu đồng.
- Phí, lệ phí: 1.035 triệu đồng.
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 1.750 triệu đồng.
- Thu từ tiền thuê đất: 8.250 triệu đồng.
- Thu từ cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước: 17.685 triệu đồng.
- Thu khác ngân sách: 310 triệu đồng.
- Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản: 1.750 triệu đồng.

b) Thu tiền sử dụng đất: 300.639 triệu đồng

- Thu tiền sử dụng đất theo kế hoạch thành phố: 90.639 triệu đồng.
- Thu tiền sử dụng đất phần đầu của phường: 210.000 triệu đồng

1.2. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn cấp xã theo phân cấp nguồn thu: 377.699 triệu đồng

- Thu từ khu vực ngoài quốc doanh: 49.000 triệu đồng.
- Lệ phí trước bạ: 15.000 triệu đồng.
- Phí, lệ phí: 1.000 triệu đồng.
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 1.750 triệu đồng.
- Thu từ tiền thuê đất: 8.250 triệu đồng.
- Thu khác ngân sách: 310 triệu đồng.
- Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản: 1.750 triệu đồng.

b) Thu tiền sử dụng đất: 300.639 triệu đồng

- Thu tiền sử dụng đất theo kế hoạch thành phố: 90.639 triệu đồng.
- Thu tiền sử dụng đất phần đầu của phường: 210.000 triệu đồng

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

1.3 Tổng thu ngân sách địa phương: 390.093,709 triệu đồng, trong đó:

- Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp: 166.078 triệu đồng.
 - + Thu ngân sách địa phương hưởng 100%: 12.562 triệu đồng.
 - + Thu phân chia NSDP hưởng: 153.516 triệu đồng (Trong đó điều tiết từ đất: 120.256 triệu đồng)
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 224.015,709 triệu đồng.
- + Thu bổ sung cân đối ngân sách: 190.859 triệu đồng

- + Thu bổ sung có mục tiêu chi thường xuyên: 1.080 triệu đồng.
- + Thu bổ sung có mục tiêu chi đầu tư: 32.076,709 triệu đồng

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

1.4 Tổng chi ngân sách địa phương:

Tổng chi ngân sách trước trừ tiết kiệm chi: 390.093,709 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi đầu tư: 152.332,709 triệu đồng.
- Chi thường xuyên: 232.388 triệu đồng. Bao gồm:
 - + Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 114.163 triệu đồng.
 - + Chi khoa học và công nghệ: 390 triệu đồng.
 - + Chi an ninh-quốc phòng: 6.500 triệu đồng.
 - + Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: 6.637 triệu đồng.
 - + Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin: 5.881 triệu đồng.
 - + Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn: 360 triệu đồng.
 - + Chi thể dục-thể thao: 415 triệu đồng.
 - + Chi bảo vệ môi trường: 3.502 triệu đồng.
 - + Chi sự nghiệp kinh tế: 17.046 triệu đồng.
 - + Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể, HĐND: 30.400 triệu đồng.
 - + Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 45.938 triệu đồng.
 - + Chi thường xuyên khác: 1.156 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách: 5.373 triệu đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2 Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân phường:

- Chỉ đạo các cấp, các ngành liên quan tổ chức thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2026 theo đúng quy định của Nghị quyết này.

- Chỉ đạo các phòng, ban, ngành, cơ quan, đơn vị chủ động thực hiện điều hành dự toán ngân sách trong phạm vi được duyệt, đảm bảo hiệu quả, bố trí các khoản chi theo thứ tự ưu tiên trước hết đảm bảo chi lương, phụ cấp, an sinh xã hội, các chế độ chính sách đối với người có công, gia đình chính sách.

- Chỉ đạo điều hành ngân sách chủ động, tích cực, đảm bảo cân đối ngân sách các cấp. Trường hợp thu cân đối ngân sách địa phương giảm so với dự toán, cần rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi theo thứ tự ưu tiên, cắt giảm hoặc giãn thời gian thực hiện các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết, trong đó phải đảm bảo các khoản chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị, các khoản chi an sinh xã hội, chi đầu tư xây dựng cơ bản các công trình, dự án quan trọng.

- Nghiêm túc thực hiện yêu cầu tiết kiệm, chống lãng phí theo Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiết kiệm chi thường xuyên, chi cho bộ máy nhà nước, chi hoạt động tại các đơn vị sự nghiệp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các Ban Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân phường trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn đôn đốc, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân phường, khoá I, kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 24 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND thành phố;
- TT Đảng ủy;
- TT HĐND phường;
- Ủy ban nhân dân phường;
- UBMTTQVN phường;
- Các phòng, ngành, đoàn thể phường;
- Các đại biểu HĐND phường khoá I;
- Lưu: VT;

CHỦ TỊCH

Đỗ Gia Khánh

PHỤ LỤC
THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2025 của HĐND phường Nam Triệu)

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2026			Tỷ lệ điều tiết		Ghi chú
		Thu NSNN trên địa bàn	Thu NSNN theo phân cấp nguồn thu	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	Thu NSNN theo phân cấp nguồn thu	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	
A	B	1	2	3			3
A	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	752,329	377,699	390,093			
I	Thu nội địa	752,329	377,699	166,078			
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)	147,740					
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)	600			0%		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Chi tiết theo sắc thuế)	136,000			0%		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)	49,000	49,000	26,460	100%	54%	
5	Thuế thu nhập cá nhân	72,570			0%	0%	
6	Thuế bảo vệ môi trường		-				

7	Lệ phí trước bạ	15,000	15,000	11,500	100%	100%	
7.1	Lệ phí trước bạ không kể nhà đất	7,000	7,000	3,500	100%	50%	
7.2	Lệ phí trước bạ nhà đất	8,000	8,000	8,000	100%	100%	
8	Thu phí, lệ phí	1,035	1,000	1,000			
8.1	Phí, lệ phí	35			0%	0%	
8.2	Phí, lệ phí do thuê cơ sở quản lý	1,000	1,000	1,000	100%	100%	
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		-				
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1,750	1,750	1,750	100%	100%	
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	8,250	8,250	3,300			
11.1	Tiền thuê đất, thuê mặt nước hàng năm theo sổ bộ	8,250	8,250	3,300	100%	40%	
11.2	Các khoản thuê đất, thuê mặt nước còn lại	-	-	-	100%	0%	
12	Thu tiền sử dụng đất	300,639	300,639	120,256	100%	40%	
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		-				
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)		-				
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	17,685					
16	Thu khác ngân sách	310	310	62			

16.1	Thu khác ngân sách	248	248		100%	0%	
16.2	Thu khác xã hưởng 100%	62	62	62	100%	100%	
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1,750	1,750	1,750	100%	100%	
II	Thu viện trợ		-				
III	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang		-				
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	-	-	224,015			
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên			190,859	100%	100%	
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên chi thường xuyên			1,080	100%	100%	
3	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên chi đầu tư xây dựng			32,076			

PHỤ LỤC
CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 22 /NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2025 của HĐND phường Nam Triệu)

STT	ĐƠN VỊ	TỔNG CHI NS TRƯỚC TRỪ TK 10% CHI TX	CHI THƯỜNG XUYÊN															Dự phòng ngân sách		
			TỔNG CHI THƯỜNG XUYÊN TRƯỚC TRỪ TIẾT KIỆM	TRONG ĐÓ:															TIẾT KIỆM 10% CHI TX	Tổng chi TX sau trừ tiết kiệm
				Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi quốc phòng, an ninh và TTAT XH	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa, thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục, thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể, HĐND	Chi đảm bảo xã hội	Chi thường xuyên khác					
A	B	C=D+G	D	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	E	F=D-E	G		
	TỔNG SỐ (I+II+III)	390,093	384,720	114,163	6,500	390	6,637	5,881	360	415	3,502	17,046	30,400	45,938	1,156	5,274	379,446	5,373		
I	Chi đầu tư	152,332	152,332														152,332			
II	Chi thường xuyên	232,388	232,388	114,163	6,500	390	6,637	5,881	360	415	3,502	17,046	30,400	45,938	1,156	5,274	227,114	-		
1	Văn phòng Đảng ủy	6,878	6,878										6,878			294	6,584			

2	Mặt trận Tổ quốc	2,233	2,233													2,233		91	2,142	
3	Văn phòng HDND và UBND	80,410	80,410	210	6,500	390					3,502	3,736	18,978	45,938	1,156			1,423	78,987	
4	Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công	2,433	2,433					1,237	360	415		421						159	2,274	
5	Khởi trường học	89,750	89,750	89,750	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,115	88,635	
	Khởi trường MN	27,298	27,298	27,298	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	340	26,958	-
5.1	Trường MN Lập Lễ	9,720	9,720	9,720														121	9,599	
5.2	Trường MN Phả Lễ	6,084	6,084	6,084														76	6,008	
5.3	Trường MN Phục Lễ	6,610	6,610	6,610														82	6,528	
5.4	Trường MN Tam Hưng	4,884	4,884	4,884														61	4,823	
	Khởi trường Tiểu học	31,295	31,295	31,295	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	390	30,905	-

